|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN****TRƯỜNG THCS PHÚC LỢI** | **TIẾT 18 - KIỂM TRA CUỐI KÌ I****MÔN: VẬT LÝ 8**Năm học 2021 - 2022Thời gian làm bài: 45 phút**--------------------** |

**I. MỤC TIÊU**

1. **Kiến thức:** Kiểm tra học sinh kiến thức học kì I, cụ thể:
* Chuyển động cơ học. Vận tốc. Chuyển động đều – Chuyển động không đều.
* Biểu diễn lực. Sự cân bằng lực – Quán tính.
* Lực ma sát.
* Áp suất (chất rắn, chất lỏng, khí quyển). Bình thông nhau. Lực đẩy Ác – si – mét.
1. **Năng lực:**
* Kiểm tra năng lực quan sát, tư duy trong suy luận
1. **Phẩm chất:**
* Trung thực, nghiêm túc, cẩn thận… khi làm bài kiểm tra.

**II. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

**\* Ma trận đề kiểm tra hình thức 100 % trắc nghiệm**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ****Tên chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | **Cộng** |
| **Chuyển động cơ học. Vận tốc. Chuyển động đều – Chuyển động không đều.**  | - Nêu được dấu hiệu để nhận biết chuyển động cơ, ví dụ về chuyển động cơ.- Nêu được tính tương đối của chuyển động và đứng yên.- Nêu được ý nghĩa của vận tốc là đặc trưng cho sự nhanh, chậm của chuyển động.- Viết được công thức tính vận tốc- Nêu được đơn vị đo của vận tốc- Nêu được tốc độ trung bình là gì và cách xác định tốc độ trung bình. | - Nêu được ví dụ về tính tương đối của chuyển động và đứng yên, đặc biệt biết xác định trạng thái của vật đối với mỗi vật được chọn làm mốc. - Phân biệt được chuyển động đều và chuyển động không đều dựa vào khái niệm tốc độ | - Phân biệt được một số chuyển động thường dựa vào quỹ đạo chuyển động của vật- Vận dụng công thức tính vận tốc để tính quãng đ­ường, thời gian của chuyển động | - Vận dụng công thức tính vận tốc trung bình để tính quãng đường, thời gian của chuyển động của những dạng chuyển động phức tạp |  |
| *Số câu**Số điểm* *Tỉ lệ %* | *4 câu**1 đ* *10%* | *3 câu**0,75 đ**7,5%* | *2 câu**0,5 đ**5%* | *2 câu**0,5 đ**5%* | *11 câu**2,75 đ**27,5 %* |
| * **Biểu diễn lực**
* **Sự cân bằng lực và quán tính**
 | - Nêu được tác dụng của lực làm thay đổi tốc độ và hướng chuyển động của vật.- Nêu được lực là một đại lượng vectơ.**-** Nêu được hai lực cân bằng là gì?- Nêu được tác dụng của hai lực cân bằng lên một vật đang chuyển động- Nêu được quán tính của một vật là gì? | **-** Mô tả được đặc điểm của vec tơ lực- Lấy được hai lực cân bằng là gì?- Nêu được ví dụ về tác dụng của hai lực cân bằng lên một vật đang chuyển động.  | - Biểu diễn được một số lực đã học: Trọng lực, lực đàn hồi.- Biểu diễn được 2 lực cân bằng | - Giải thích được một số hiện tượng thường gặp liên quan đến quán tính |  |
| *Số câu**Số điểm* *Tỉ lệ %* | *5 câu**1,25 đ* *12,5%* | *3 câu**0,75 đ**7,5%* | *2 câu**0,5 đ**5%* | *1 câu**0,25 đ**2,5%* | *11 câu**2,75 đ**27,5 %* |
| * **Lực ma sát**
 | - Nêu được khi nào có lực ma sát trượt, ma sát lăn, ma sát nghỉ. | - Nêu được ví dụ về lực ma sát trượt, ma sát lăn, ma sát nghỉ. | - Đề ra được cách làm tăng ma sát có lợi và giảm ma sát có hại trong một số trường hợp cụ thể của đời sống, kĩ thuật. |  |  |
| *Số câu**Số điểm* *Tỉ lệ %* | *2 câu**0,5 đ**5%* | *1 câu**0,25 đ**2, 5%* | *1 câu**0,25 đ**2, 5%* |  | *4 câu**1 đ**10 %* |
| * **Áp suất (chất rắn, chất lỏng, khí quyển). Bình thông nhau. Lực đẩy Ác – si – mét.**
 | - Nêu được khái niệm áp lực.- Nêu được khái niệm áp suất và đơn vị đo áp suất - Nêu được áp suất có cùng trị số tại các điểm ở cùng một độ cao trong lòng một chất lỏng đứng yên.- Nêu được các mặt thoáng trong bình thông nhau chứa cùng một chất lỏng đứng yên thì ở cùng độ cao. - Viết được công thức tính độ lớn lực đẩy Ác – si-mét, nêu được đúng tên đơn vị đo các đại lượng trong công thức. | - Mô tả được hiện tượng chứng tỏ sự tồn tại của áp suất chất lỏng.- Mô tả được hiện tượng chứng tỏ sự tồn tại của áp suất khí quyển.- Mô tả được hiện tượng về sự tồn tại của lực đẩy Ác-si-mét | - Vận dụng công thức tính - Vận dụng được công thức p = dh đối với áp suất trong lòng chất lỏng.- Vận dụng được công thức về lực đẩy Ác-si-mét F = d.V. | *-* Giải thích được một số hiện tượng trong thực tế liên quan đến áp suất (chất rắn, chất lỏng, khí quyển), bình thông nhau, lực đẩy Ác – si – mét. |  |
| *Số câu**Số điểm* *Tỉ lệ %* | *5 câu**1,25 đ* *12, 5%* | *5 câu**1,25 đ* *12, 5%* | *3 câu**0,75 đ**7,5%* | *1 câu**0,25 đ**2,5%* | *14 câu**3,5 đ**35 %* |
| Tổng số câuTổng số điểmTỉ lệ % | 16 câu4đ40% | 12 câu3đ30% | 8 câu2 đ20% | 4 câu1đ10 | 40 câu10 đ100% |

**\* Ma trận đề kiểm tra hình thức 50% TNKQ – 50% tự luận**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ****Tên chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | **Cộng** |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **Chuyển động cơ học. Vận tốc. Chuyển động đều – Chuyển động không đều.**  | - Nêu được dấu hiệu để nhận biết chuyển động cơ, ví dụ về chuyển động cơ.- Nêu được tính tương đối của chuyển động và đứng yên.- Nêu được ý nghĩa của vận tốc là đặc trưng cho sự nhanh, chậm của chuyển động.- Viết được công thức tính vận tốc- Nêu được đơn vị đo của vận tốc- Nêu được tốc độ trung bình là gì và cách xác định tốc độ trung bình. | - Nêu được ví dụ về tính tương đối của chuyển động và đứng yên, đặc biệt biết xác định trạng thái của vật đối với mỗi vật được chọn làm mốc. - Phân biệt được chuyển động đều và chuyển động không đều dựa vào khái niệm tốc độ |  | - Vận dụng công thức tính vận tốc trung bình để tính quãng đường, thời gian của chuyển động của những dạng chuyển động phức tạp |  |
| *Số câu**Số điểm* *Tỉ lệ %* | *3 câu**0,75đ* *7,5%* |  |  | *1 câu**1 đ**10%* |  |  | *2 câu**0,5 đ**5%* | *1 câu**0,5 đ**5%* | *7 câu**2,75 đ**27,5 %* |
| * **Biểu diễn lực**
* **Sự cân bằng lực và quán tính**
 | - Nêu được tác dụng của lực làm thay đổi tốc độ và hướng chuyển động của vật.- Nêu được lực là một đại lượng vectơ.**-** Nêu được hai lực cân bằng là gì?- Nêu được tác dụng của hai lực cân bằng lên một vật đang chuyển động- Nêu được quán tính của một vật là gì? | **-** Mô tả được đặc điểm của vec tơ lực- Lấy được hai lực cân bằng là gì?- Nêu được ví dụ về tác dụng của hai lực cân bằng lên một vật đang chuyển động.  |  |  |  |
| *Số câu**Số điểm* *Tỉ lệ %* | *5 câu**1,25đ* *12,5%* |  |  | *1 câu**1,5 đ**15%* |  |  |  |  | *6 câu**2,75 đ**27,5 %* |
| * **Lực ma sát**
 | - Nêu được khi nào có lực ma sát trượt, ma sát lăn, ma sát nghỉ. | - Nêu được ví dụ về lực ma sát trượt, ma sát lăn, ma sát nghỉ. |  |  |  |
| *Số câu**Số điểm* *Tỉ lệ %* | *2 câu**0,5đ* *5%* |  | *2 câu**0,5đ* *5%* |  |  |  |  |  | *4 câu**1 đ**10 %* |
| * **Áp suất (chất rắn, chất lỏng, khí quyển). Bình thông nhau. Lực đẩy Ác – si – mét.**
 | - Nêu được khái niệm áp lực.- Nêu được khái niệm áp suất và đơn vị đo áp suất - Nêu được áp suất có cùng trị số tại các điểm ở cùng một độ cao trong lòng một chất lỏng đứng yên.- Nêu được các mặt thoáng trong bình thông nhau chứa cùng một chất lỏng đứng yên thì ở cùng độ cao. - Viết được công thức tính độ lớn lực đẩy Ác – si-mét, nêu được đúng tên đơn vị đo các đại lượng trong công thức. | - Mô tả được hiện tượng chứng tỏ sự tồn tại của áp suất chất lỏng.- Mô tả được hiện tượng chứng tỏ sự tồn tại của áp suất khí quyển.- Mô tả được hiện tượng về sự tồn tại của lực đẩy Ác-si-mét | - Vận dụng công thức tính - Vận dụng được công thức p = dh đối với áp suất trong lòng chất lỏng.- Vận dụng được công thức về lực đẩy Ác-si-mét F = d.V. |  |  |
| *Số câu**Số điểm* *Tỉ lệ %* | *6 câu**1,5đ* *15%* |  |  |  |  | *1 câu**2đ* *20%* |  |  | *7 câu**3,5 đ**35 %* |
| Tổng số câuTổng số điểmTỉ lệ % | 16 câu4đ40% | 4 câu3đ30% | 1 câu2 đ20% | 3 câu1đ10% | 24 câu10 đ100% |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN****TRƯỜNG THCS PHÚC LỢI**ĐỀ SỐ 01 | **TIẾT 18 - KIỂM TRA CUỐI KÌ I****MÔN: VẬT LÝ 8**Năm học 2021 - 2022Thời gian làm bài: 45 phút**--------------------** |

**Câu 1:** Chọn phương án đúng: Vật đứng yên thì

 **A.** thay đổi khoảng cách so với vật mốc.

 **B.** không thay đổi khoảng cách so với vật mốc.

 **C.** không thay đổi vị trí so với vật mốc.

 **D.** thay đổi vị trí so với vật mốc.

**Câu 2:** Một vật chuyển động không đều thì

 **A.** vận tốc của vật thay đổi đều theo thời gian.

 **B.** vận tốc của vật thay đổi theo thời gian.

 **C.** vận tốc của vật không thay đổi theo thời gian.

 **D.** vận tốc của vật giảm đều theo thời gian.

**Câu 3:** Đơn vị nào sau đây là đơn vị của vận tốc?

 **A.** m.s **B.** km.h **C.** m/s **D.** h/km

**Câu 4:**

Công thức tính vận tốc trung bình trên quãng đường gồm 2 đoạn s1 và s2 là:

 **A.**  **B.** 

 **C.**  **D.** 

**Câu 5:** Một ô tô đỗ trong bến xe. Đối với vật mốc nào sau đây ô tô được xem là đang đứng yên?

 **A.** Chiếc xe máy đang đi vào bến

 **B.** Một ô tô khác đang rời bến

 **C.** Một người đang đi vào bến

 **D.** Cột điện trước bến xe

**Câu 6: Chuyển động nào sau đây là chuyển động không đều?**

 **A. Chuyển động của đầu kim đồng hồ.**

 **B. Chuyển động của cánh quạt khi đang quay ổn định.**

 **C.** Viên bi lăn từ dưới lên trên mặt phẳng nghiêng.

 **D.** Xe máy đang đi ổn định trên đoạn đường nằm ngang, không có vật cản

**Câu 7:** Chuyển động nào sau đây là chuyển động tròn ?

 **A.** Hòn đá rơi từ trên cao xuống.

 **B.** Chuyển động của cái diều trên không trung.

 **C.** Chuyển động của đầu kim đồng hồ.

 **D.** Một mẩu phấn được ném ra xa.

**Câu 8:** Một học sinh đi bộ từ nhà đến trường trên đoạn đường 0,9km trong thời gian 10 phút. Vận tốc trung bình của học sinh đó là:

 **A.** 15 m/s **B.** 1,5 m/s **C.** 9 km/h **D.** 0,9 km/h

**Câu 9:** Hưng đạp xe lên dốc dài 100m với vận tốc 2m/s, sau đó xuống dốc dài 140m hết 30s. Hỏi vận tốc trung bình của Hưng trên cả đoạn đường dốc?

 **A.** 50m/s **B.** 8m/s **C.** 4,67m/s **D.** 3m/s

**Câu 10:** Hai xe ô tô cũng xuất phát tại một bến. Xe thứ nhất rời bến lúc 6h với vận tốc 40km/h. Một giờ sau xe thứ 2 cũng đi từ bến trên đuổi theo xe thứ nhất với vận tốc 50km/h. Hỏi xe thứ 2 đuổi kịp xe thứ nhất lúc mấy giờ

 **A.** 8h **B.** 8h30 phút **C.** 11h **D.** 11h40 phút

**Câu 11:** Một người đi ô tô từ Hà Nội vào Hải Phòng trên nửa quãng đường đầu ô tô chạy với vận tốc 40km/h. Tính vận tốc của ô tô trên nửa quãng đường sau biết vận tốc trung bình của ô tô trên cả đoạn đường từ Hà Nội vào Hải Phòng là 50 km/h?

 **A.** 60 km/h **B.** 70 km/h **C.** 66,67 km/h **D.** 77,67km/h

**Câu 12:** Muốn biểu diễn một vectơ lực chúng ta cần phải biết các yếu tố:

 **A.** Phương, chiều

 **B.** Điểm đặt, phương, chiều.

 **C.** Điểm đặt, phương, độ lớn.

 **D.** Điểm đặt, phương, chiều, độ lớn.

**Câu 13:** “Lực là nguyên nhân làm............vận tốc của chuyển động”. Hãy chọn cụm từ thích hợp nhất cho kết luận trên

 **A.** Tăng **B.** Thay đổi **C.** Giảm **D.** Không đổi

**Câu 14:** Hai lực cân bằng là hai lực có

 **A.** cùng phương, cùng chiều, cùng độ lớn và tác dụng vào cùng một vật.

 **B.** cùng phương, ngược chiều, cùng độ lớn và tác dụng vào cùng một vật.

 **C.** cùng phương, ngược chiều, khác nhau về độ lớn và tác dụng vào cùng một vật.

 **D.** cùng phương, ngược chiều, cùng độ lớn và tác dụng vào cùng hai vật khác nhau.

**Câu 15:** Vật đang chuyển động thẳng đều, nếu chịu tác dụng của 2 lực cân bằng sẽ :

 **A.** Dừng lại ngay lập tức

 **B.** Chuyển động chậm dần

 **C.** Chuyển động nhanh dần

 **D.** Vẫn chuyển động với vận tốc như ban đầu

**Câu 16:** Phát biểu nào sau đâu **sai** khi nói về cách biểu diễn véc tơ lực :

 **A.** Gốc là điểm mà lực tác dụng lên vật

 **B.** Phương là phương vuông góc với phương của lực tác dụng lên vật

 **C.** Chiều theo chiều của lực tác dụng lên vật

 **D.** Độ dài biểu diễn cường độ của lực theo một tỉ xích cho trước

**Câu 17:**

Cặp lực nào trong hình sau là cặp lực cân bằng ?



 **A.** Hình 1 **B.** Hình 2 **C.** Hình 3 **D.** Hình 4

**Câu 18:** Cặp lực nào trong hình sau **không** là cặp lực cân bằng ?



 **A.** Hình 1 **B.** Hình 2 **C.** Hình 3 **D.** Hình 4

**Câu 19:** Phát biểu nào mô tả đầy đủ các yếu tố trọng lực của vật trong hình vẽ dưới đây?



 **A.** Điểm đặt trên vật, phương thẳng đứng, chiều từ trên xuống dưới, độ lớn 20N.

 **B.** Điểm đặt trên vật, hướng thẳng đứng, độ lớn 20N.

 **C.** Điểm đặt trên vật, phương từ trên xuống dưới, độ lớn 20N.

 **D.** Điểm đặt trên vật, chiều thẳng đứng, độ lớn 20N.

**Câu 20:** Đặt con búp bê đứng yên trên xe lăn rồi bất chợt đẩy xe lăn về phía trước. Hỏi búp bê bị ngã về phía nào?

**A.** Ngã về phía trước **B.** Ngã về phía sau

 **C.** Ngã sang trái **D.** Ngã sang phải

**Câu 21:** Trên hình vẽ là lực tác dụng lên ba vật theo cùng một tỉ lệ xích như nhau. Hãy sắp xếp theo thứ tự giảm dần về độ lớn của các lực lực trong hình vẽ dưới đây?



 **A.** F1 , F2, F3 **B.** F1 , F3, F2 **C.** F3 , F2, F1 **D.** F3 , F1, F2

**Câu 22:** Vì sao khi ngồi trên máy bay lúc cất cánh hoặc hạ cánh ta cần phải thắt dây an toàn?

 **A.** Vì lúc cất cánh hoặc hạ cánh do quán tính nên ta vẫn di chuyển với tốc độ cũ gây mất an toàn

 **B.** Vì lúc cất cánh hoặc hạ cánh do lực hấp dẫn nên ta vẫn di chuyển với tốc độ cũ gây mất an toàn

 **C.** Thắt dây an toàn để tăng lực ma sát giúp chúng ta an toàn hơn

 **D.** Thắt dây an toàn để tăng quán tính giúp chúng ta an toàn hơn

**Câu 23: Trường hợp nào sau đây lực xuất hiện không phải là lực ma sát ?**

 **A.** Lực xuất hiện khi lốp xe trượt trên mặt đường.

 **B.** Lực xuất hiện làm mòn đế giày.

 **C.** Lực xuất hiện khi lò xo bị nén hay bị dãn.

 **D.** Lực xuất hiện giữa dây cuaroa với bánh xe truyền chuyển động.

**Câu 24: Lực ma sát nghỉ xuất hiện khi**

 **A.** quyển sách để yên trên mặt bàn nằm nghiêng

 **B.** ô tô đang chuyển động, đột ngột hãm phanh.

 **C.** quả bóng bàn đặt trên mặt nằm ngang nhẵn bóng

 **D.** xe đạp đang xuống dốc

**Câu 25: Lực ma sát trượt xuất hiện trong trường hợp nào sau đây ?**

 **A.** Ma sát giữa các viên bi với ổ trục xe đạp, xe máy

 **B.** Ma sát giữa cốc nước đặt trên mặt bàn với mặt bàn

 **C.** Ma sát giữa lốp xe với mặt đường khi xe đang chuyển động

 **D.** Ma sát giữa má phanh với vành xe

**Câu 26:** Khi xe máy hoạt động, ma sát nào sau đây là có ích ?

 **A.** Ma sát giữa các chi tiết máy với nhau.

 **B.** Ma sát giữa xích và đĩa bánh sau.

 **C.** Ma sát giữa lốp xe với mặt đường.

 **D.** Ma sát của thắng xe khi phanh xe.

**Câu 27:** Trong các cách tăng, giảm áp suất sau đây, cách nào là ***không đúng***?

 **A.** Muốn tăng áp suất thì tăng áp lực, giảm diện tích bị ép

 **B.** Muốn tăng áp suất thì giảm áp lực, tăng diện tích bị ép

 **C.** Muốn giảm áp suất thì phải giảm áp lực, giữ nguyên diện tích bị ép.

 **D.** Muốn giảm áp suất thì phải giữ nguyên áp lực, tăng diện tích bị ép.

**Câu 28:** Phát biểu nào sau đây nói về áp suất chất lỏng là đúng ?

 **A.** Chất lỏng chỉ gây áp suất theo phương thẳng đứng từ trên xuống

 **B.** Áp suất chất lỏng chỉ phụ thuộc vào bản chất của chất lỏng.

 **C.** Chất lỏng gây áp suất theo mọi phương

 **D.** Áp suất chất lỏng chỉ phụ thuộc vào chiều cao của chất lỏng.

**Câu 29:** Công thức tính áp suất gây ra bởi chất lỏng có trọng lượng riêng d tại một điểm cách cách mặt thoáng có độ cao h là :

 **A.** p =dh **B.** p = h/d **C.** p = d/h **D.** p = d + h

**Câu 30:** Điều nào sau đây đúng khi nói về bình thông nhau?

 **A.** Trong bình thông nhau chứa cùng một chất lỏng đứng yên,lượng chất lỏng ở hai nhánh luôn bằng nhau

 **B.** Trong bình thông nhau chứa cùng một chất lỏng đứng yên, không tồn tại áp suất của chất lỏng

 **C.** Trong bình thông nhau chứa cùng một chất lỏng đứng yên, mực chất lỏng ở hai nhánh có thể khác nhau

 **D.** Trong bình thông nhau chứa cùng một chất lỏng đứng yên,các mực chất lỏng ở hai nhánh luôn có cùng một độ cao

**Câu 31:** Phát biểu nào sau đây đúng khi nói về lực đẩy Ac-si-mét

 **A.** Hướng thẳng đứng lên trên **B.** Hướng thẳng đứng xuống dưới

 **C.** Theo mọi hướng **D.** Một hướng khác

**Câu 32:** Trong các thí dụ sau, thí dụ nào liên quan đến mục đích làm tăng hay giảm áp suất ?

 **A.** Chất hàng lên xe ô tô

 **B.** Tăng lực kéo đầu máy khi đoàn tàu chuyển động

 **C.** Lưỡi dao lưỡi kéo thường mài sắc để giảm diện tích bị ép

 **D.** Giảm độ nhám ở mặt tiếp xúc giữa hai vật trượt lên nhau

**Câu 33:** Áp lực của gió tác dụng trung bình lên cánh buồm là 7500N, khi đó cánh Buồm chịu một áp suất 300N/m2. Diện tích cánh buồm có thể nhận giá trị nào trong các giá trị sau :

 **A.** 15m2 **B.** 25m2 **C.** 20m2 **D.** 30m2

**Câu 34:** Một tàu ngầm đang di chuyển dưới biển.áp suất kế đặt ngoài vỏ tàu chỉ giá trị giảm dần. Phát biểu nào sau đây là đúng?

 **A.** Tàu đang lặn sâu

 **B.** Tàu đang nổi lên từ từ

 **C.** Tàu đang di chuyển theo phương ngang

 **D.** Các phát biểu trên đều đúng

**Câu 35:** Một thùng cao 1,2m đựng đầy nước. Tính áp suất của nước lên đáy thùng? Biết trọng lượng riêng của nước là 10000 N/m3

 **A.** p = 2000 Pa **B.** p = 12000 Pa

 **C.** p = 20000 Pa **D.** p = 1200 Pa

**Câu 36:** Trường hợp nào sau đây **không phải** do áp suất khí quyển gây ra:

 **A.** Uống sữa tươi trong hộp bằng ống hút

 **B.** Thủy ngân dâng lên trong ống Tô-ri-xe-li

 **C.** Khi được bơm, lốp xe căng lên

 **D.** Khi bị xì hơi, bóng bay bé lại

**Câu 37:** Vì sao khi hút bớt không khí trong một vỏ hộp sữa bằng giấy, vỏ hộp sữa bị bẹp theo nhiều phía?

 **A.** Vì không khí bên trong hộp sữa bị co lại

 **B.** Vì áp suất không khí bên trong hộp nhỏ hơn áp suất bên ngoài

 **C.** Vì hộp sữa chịu tác dụng của áp suất khí quyển

 **D.** Vì hộp sữa rất nhẹ

**Câu 38:** Thể tích miếng sắt là 1,5dm**3**.Lực đẩy tác dụng lên miếng sắt khi nhúng chìm trong nước sẽ nhận giá trị nào trong các giá trị sau: (biết trọng lượng riêng của nước là 10000N/m3)

 **A.** F = 10N **B.** F = 20N **C.** F = 15N **D.** F = 25N

**Câu 39:** Ba quả cầu bằng thép nhúng trong nước. Lực Ác-si-mét tác dụng lên quả cầu nào là lớn nhất?

 

 **A.** Quả 3, vì nó ở sâu nhất.

 **B.** Quả 2, vì nó lớn nhất.

 **C.** Quả 1, vì nó nhỏ nhất.

 **D.** Bằng nhau vì đều bằng thép và đều nhúng trong nước.

**Câu 40:** Hãy so sánh áp suất tại các điểm M, N và Q, trong bình chứa chất lỏng vẽ ở hình bên

.

 

 **A.** pM < pN < pQ **B.** pM = pN = pQ

 **C.** pM > pN > pQ **D.** pM < pQ < pN

----------- HẾT ----------

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN****TRƯỜNG THCS PHÚC LỢI**ĐỀ SỐ 02 | **TIẾT 18 - KIỂM TRA CUỐI KÌ I****MÔN: VẬT LÝ 8**Năm học 2021 - 2022Thời gian làm bài: 45 phút**--------------------** |

**I. Trắc nghiệm: (5 điểm) *Ghi vào bài làm chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.***

**Câu 1:** Khi xe máy hoạt động, ma sát nào sau đây là có ích ?

 **A.** Ma sát giữa các chi tiết máy với nhau.

 **B.** Ma sát giữa xích và đĩa bánh sau.

 **C.** Ma sát giữa lốp xe với mặt đường.

 **D.** Ma sát của thắng xe khi phanh xe.

**Câu 2:** Hai lực cân bằng là hai lực có

 **A.** cùng phương, ngược chiều, cùng độ lớn và tác dụng vào cùng hai vật khác nhau.

 **B.** cùng phương, ngược chiều, cùng độ lớn và tác dụng vào cùng một vật.

 **C.** cùng phương, cùng chiều, cùng độ lớn và tác dụng vào cùng một vật.

 **D.** cùng phương, ngược chiều, khác nhau về độ lớn và tác dụng vào cùng một vật.

**Câu 3:** Phát biểu nào sau đây đúng khi nói về lực đẩy Ac-si-mét

 **A.** Hướng thẳng đứng xuống dưới **B.** Hướng thẳng đứng lên trên

 **C.** Một hướng khác **D.** Theo mọi hướng

**Câu 4:** Trong các cách tăng, giảm áp suất sau đây, cách nào là ***không đúng***?

 **A.** Muốn tăng áp suất thì tăng áp lực, giảm diện tích bị ép

 **B.** Muốn tăng áp suất thì giảm áp lực, tăng diện tích bị ép

 **C.** Muốn giảm áp suất thì phải giảm áp lực, giữ nguyên diện tích bị ép.

 **D.** Muốn giảm áp suất thì phải giữ nguyên áp lực, tăng diện tích bị ép.

**Câu 5:** Phát biểu nào sau đây nói về áp suất chất lỏng là đúng ?

 **A.** Chất lỏng chỉ gây áp suất theo phương thẳng đứng từ trên xuống

 **B.** Áp suất chất lỏng chỉ phụ thuộc vào bản chất của chất lỏng.

 **C.** Chất lỏng gây áp suất theo mọi phương

 **D.** Áp suất chất lỏng chỉ phụ thuộc vào chiều cao của chất lỏng.

**Câu 6:** Điều nào sau đây đúng khi nói về bình thông nhau?

 **A.** Trong bình thông nhau chứa cùng một chất lỏng đứng yên,lượng chất lỏng ở hai nhánh luôn bằng nhau

 **B.** Trong bình thông nhau chứa cùng một chất lỏng đứng yên, không tồn tại áp suất của chất lỏng

 **C.** Trong bình thông nhau chứa cùng một chất lỏng đứng yên, mực chất lỏng ở hai nhánh có thể khác nhau

 **D.** Trong bình thông nhau chứa cùng một chất lỏng đứng yên,các mực chất lỏng ở hai nhánh luôn có cùng một độ cao

**Câu 7:** Đơn vị nào sau đây **không phải** là đơn vị đo áp suất?

 **A.** Pa **B.** N **C.** MmHg **D.** N/m2

**Câu 8:** Chọn phương án đúng: Vật đứng yên thì

 **A.** thay đổi khoảng cách so với vật mốc.

 **B.** thay đổi vị trí so với vật mốc.

 **C.** không thay đổi vị trí so với vật mốc.

 **D.** không thay đổi khoảng cách so với vật mốc.

**Câu 9:** Hai xe ô tô cũng xuất phát tại một bến. Xe thứ nhất rời bến lúc 6h với vận tốc 40km/h. Một giờ sau xe thứ 2 cũng đi từ bến trên đuổi theo xe thứ nhất với vận tốc 50km/h. Hỏi xe thứ 2 đuổi kịp xe thứ nhất lúc mấy giờ

 **A.** 11h **B.** 8h **C.** 8h30 phút **D.** 11h40 phút

**Câu 10:** Phát biểu nào sau đâu **sai** khi nói về cách biểu diễn véc tơ lực :

 **A.** Gốc là điểm mà lực tác dụng lên vật

 **B.** Chiều theo chiều của lực tác dụng lên vật

 **C.** Độ dài biểu diễn cường độ của lực theo một tỉ xích cho trước

 **D.** Phương là phương vuông góc với phương của lực tác dụng lên vật

**Câu 11: Lực ma sát nghỉ xuất hiện khi**

 **A.** quyển sách để yên trên mặt bàn nằm nghiêng

 **B.** ô tô đang chuyển động, đột ngột hãm phanh.

 **C.** quả bóng bàn đặt trên mặt nằm ngang nhẵn bóng

 **D.** xe đạp đang xuống dốc

**Câu 12:** Đơn vị nào sau đây là đơn vị của vận tốc?

 **A.** m/s **B.** m.s **C.** h/km **D.** km.h

**Câu 13:** Công thức tính vận tốc trung bình trên quãng đường gồm 2 đoạn s1 và s2 là:

 **A.**  **B.** 

 **C.**  **D.** 

**Câu 14:** Muốn biểu diễn một vectơ lực chúng ta cần phải biết các yếu tố:

 **A.** Phương, chiều

 **B.** Điểm đặt, phương, độ lớn.

 **C.** Điểm đặt, phương, chiều, độ lớn.

 **D.** Điểm đặt, phương, chiều.

**Câu 15:** Một người đi ô tô từ Hà Nội vào Hải Phòng trên nửa quãng đường đầu ô tô chạy với vận tốc 40km/h. Tính vận tốc của ô tô trên nửa quãng đường sau biết vận tốc trung bình của ô tô trên cả đoạn đường từ Hà Nội vào Hải Phòng là 50 km/h?

 **A.** 66,67 km/h **B.** 60 km/h **C.** 70 km/h **D.** 77,67km/h

**Câu 16:** Công thức tính áp suất gây ra bởi chất lỏng có trọng lượng riêng d tại một điểm cách mặt thoáng có độ cao h là :

 **A.** p = h/d **B.** p =dh **C.** p = d/h **D.** p = d + h

**Câu 17: Trường hợp nào sau đây lực xuất hiện không phải là lực ma sát ?**

 **A.** Lực xuất hiện giữa dây cuaroa với bánh xe truyền chuyển động.

 **B.** Lực xuất hiện làm mòn đế giày,

 **C.** Lực xuất hiện khi lò xo bị nén hay bị dãn.

 **D.** Lực xuất hiện khi lốp xe trượt trên mặt đường.

**Câu 18:** “Lực là nguyên nhân làm............vận tốc của chuyển động”. Hãy chọn cụm từ thích hợp nhất cho kết luận trên

 **A.** Tăng **B.** Không đổi **C.** Thay đổi **D.** Giảm

**Câu 19: Lực ma sát trượt xuất hiện trong trường hợp nào sau đây ?**

 **A.** Ma sát giữa cốc nước đặt trên mặt bàn với mặt bàn

 **B.** Ma sát giữa các viên bi với ổ trục xe đạp, xe máy

 **C.** Ma sát giữa lốp xe với mặt đường khi xe đang chuyển động

 **D.** Ma sát giữa má phanh với vành xe

**Câu 20:** Vật đang chuyển động thẳng đều, nếu chịu tác dụng của 2 lực cân bằng sẽ :

 **A.** Vẫn chuyển động với vận tốc như ban đầu

 **B.** Dừng lại ngay lập tức

 **C.** Chuyển động chậm dần

 **D.** Chuyển động nhanh dần

**II. Tự luận: (5 điểm)**

**Câu 1 (1 điểm):** Nêu hai ví dụ về chuyển động đều trong thực tế cuộc sống?

**Câu 2 (2 điểm):** Một bình hình trụ cao 2,5m đựng đầy nước, biết trọng lượng riêng của nước là 104 (N/m3).

a. Tính áp suất của nước tác dụng lên đáy bình.

b. Tính áp suất của nước tác dụng lên điểm B cách đáy bình 1,6m.

**Câu 3: (1,5đ)** Mô tả đầy đủ các yếu tố của véc tơ trọng lực trong hình vẽ dưới đây?



**Câu 4. (0,5 điểm):** Một xe máy đi trên đoạn đường thứ nhất dài 2km với vận tốc 36 km/h, trên đoạn đường thứ 2 dài 9km với vận tốc 15 m/s và tiếp đến đoạn đường thứ 3 dài 5km với vận tốc 45 km/h. Tính vận tốc trung bình của xe máy trên toàn bộ quãng đường đã đi?

--------------------Hết--------------------

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN****TRƯỜNG THCS PHÚC LỢI**ĐỀ SỐ 01 | **TIẾT 18 - KIỂM TRA CUỐI KÌ I****MÔN: VẬT LÝ 8**Năm học 2021 - 2022Thời gian làm bài: 45 phút**--------------------** |

**ĐÁP ÁN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM**

**(**Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm)

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Đáp án** | **Câu hỏi** | **Đáp án** | **Câu hỏi** | **Đáp án** | **Câu hỏi** | **Câu hỏi** |
| 1 | C | 11 | C | 21 | C | 31 | A |
| 2 | B | 12 | D | 22 | A | 32 | C |
| 3 | C | 13 | B | 23 | C | 33 | B |
| 4 | D | 14 | B | 24 | A | 34 | B |
| 5 | D | 15 | D | 25 | D | 35 | B |
| 6 | C | 16 | B | 26 | D | 36 | C |
| 7 | C | 17 | D | 27 | B | 37 | B |
| 8 | B | 18 | B | 28 | C | 38 | C |
| 9 | D | 19 | A | 29 | A | 39 | B |
| 10 | C | 20 | B | 30 | D | 40 | C |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giáo viên ra đề** | **Tổ/ NCM duyệt** | **BGH duyệt** |
| ***Đinh Thị Phượng Hoa*** | ***Hoàng Thu Hiền*** |  ***Đặng Thị Tuyết Nhung*** |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN****TRƯỜNG THCS PHÚC LỢI**ĐỀ SỐ 02 | **TIẾT 18 - KIỂM TRA CUỐI KÌ I****MÔN: VẬT LÝ 8**Năm học 2021 - 2022Thời gian làm bài: 45 phút**--------------------** |

**ĐÁP ÁN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM**

**I. Trắc nghiệm (5 điểm)** Mỗi câu đáp án đúng: 0,25 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **Đáp án** | D | B | B | B | C | D | B | C | A | D |
| **Câu** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| **Đáp án** | A | A | D | C | A | B | C | C | D | A |

**II. Tự luận (5điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **Đáp án** | **ĐIỂM** |
| **1** | - Chuyển động của cánh quạt khi chạy ổn định- Chuyển động của xe máy lúc xe chạy với vận tốc không đổi(HS nêu 2 ví dụ khác đúng vẫn được điểm tối đa) | 0,5 đ0,5 đ |
| **2** | a) Áp suất của nước tác dụng lên đáy bình là: p1 = d.h1 = 104. 2,5 = 25 000 (Pa)  | 1đ |
| b) Áp suất của nước tác dụng lên điểm B là: p2 = d.h2 = d.(h1-h’) = 104 .(2,5-1,6) = 9000 (Pa) | 1đ |
| **3** | - Điểm đặt: Tâm vật- Phương: Thẳng đứng- Chiều: Từ trên xuống dưới- Cường độ lực: 20 N | 0,25đ0,25đ0,5 đ0,5 đ |
| **4** | Đổi: 15 m/s = 54 km/hThời gian xe máy đi trên mỗi đoạn đường lần lượt là:$$t\_{1}=\frac{s\_{1}}{v\_{1}}=\frac{2}{36}=\frac{1}{18}(h)$$$$t\_{2}=\frac{s\_{2}}{v\_{2}}=\frac{9}{54}=\frac{1}{6}(h)$$$$t\_{3}=\frac{s\_{3}}{v\_{3}}=\frac{5}{45}=\frac{1}{9}(h)$$Vận tốc trung bình của xe máy trên toàn bộ quãng đường đã đi là:$v\_{tb}=\frac{s\_{1}+ s\_{2}+s\_{3}}{t\_{1}+ t\_{2}+t\_{3}}=\frac{2+9+5}{\frac{1}{18}+\frac{1}{6}+\frac{1}{9}}=48 $(km/h) | 0,25đ0,25đ |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giáo viên ra đề** | **Tổ/ NCM duyệt** | **BGH duyệt** |
| ***Đinh Thị Phượng Hoa*** | ***Hoàng Thu Hiền*** |  ***Đặng Thị Tuyết Nhung*** |